

Số: /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc địa chỉ tại xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc” có địa chỉ tại xã Thiện Kế và xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ);

Xét Văn bản số 081/2026/CV-WAT-TLPIII ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở “Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, có địa chỉ tại xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023.

Điều 2. Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này.

Điều 3. Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công ty TNHH KCN Thăng Long Vĩnh Phúc;
- Sở NN&MT tỉnh Phú Thọ;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, NTH (12).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

Phụ lục**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.

1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

Bổ sung nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt (nguồn số 05) và điều chỉnh tên nguồn phát sinh nước thải sau khi bổ sung thêm nguồn số 05 thuộc nội dung số 1 Phần A của Phụ lục 1 Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 như sau:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà bếp của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà điều hành của Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc (KCN).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà điều hành của KCN.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của cán bộ, công nhân vận hành trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung của KCN.

- Nguồn số 04: Nước thải từ nhà vệ sinh của công nhân vận hành trạm điện của KCN.

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 09 nhà bảo vệ dọc các tuyến đường trong khu công nghiệp, gồm nhà bảo vệ tại cổng số 1, số 2, nút giao I3, nút giao I4, nút giao I6, nút giao I8, nút giao I10, nút giao I12, và nhà bảo vệ tại nhà máy cho thuê số 1, 2 (lô B8).

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ của phòng thí nghiệm tại trạm XLNT tập trung của KCN.

- Nguồn số 07: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong KCN.

- Nguồn số 08: Nước thải từ máy ép bùn của trạm XLNT tập trung của KCN.

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Điều chỉnh mục 1.1 thuộc nội dung số 1 phần B của Phụ lục 1 Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 (sau khi bổ sung thêm nguồn số 5) như sau:

- Nguồn số 01: Được thu gom về bể tách mỡ sau đó đưa về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

- Nguồn số 02, 03, 04: Được thu gom về bể tự hoại sau đó được đưa về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

- Nguồn số 05: Được thu gom về bể tự hoại sau đó đưa về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

- Nguồn số 06: Được thu gom theo đường ống riêng về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

- Nguồn số 07: Được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp thứ cấp đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Thăng Long Vĩnh Phúc sau đó đưa về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

- Nguồn số 08: Được thu gom về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

Điều chỉnh mục 1.2.1 thuộc nội dung số 1 phần B của Phụ lục 1 Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 như sau:

Bể tự hoại (15 bể): 03 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 02 (tổng thể tích 46,14 m³); 02 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 03 (tổng thể tích 7,5 m³), 01 bể tự hoại lắp đặt tại nguồn số 04 (thể tích 5,5 m³) và 09 bể lắp đặt tại nguồn số 05 (tổng thể tích 27 m³).

1.2.3. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung KCN:

Điều chỉnh mục 1.5 thuộc nội dung số 1 phần B của Phụ lục 1 Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	
			Tiêu chuẩn đầu nối nước thải đầu vào của các doanh nghiệp chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt	Tiêu chuẩn đầu nối nước thải đầu vào đối với các doanh nghiệp còn lại
1.	Nhiệt độ	°C	-	40
2.	Màu	Pt/Co	-	50
3.	pH	-	6-9	6-9
4.	BOD ₅	mg/L	300	300
5.	COD	mg/L	350	350
6.	TSS	mg/L	200	200
7.	Asen (As)	mg/L	-	0,0405
8.	Thủy ngân (Hg)	mg/L	-	0,00405
9.	Chì (Pb)	mg/L	-	0,081
10.	Cadimi (Cd)	mg/L	-	0,0405
11.	Crom (VI) (Cr ⁶⁺)	mg/L	-	0,0405
12.	Cr (III) (Cr ³⁺)	mg/L	-	0,162
13.	Đồng (Cu)	mg/L	-	1,62
14.	Kẽm (Zn)	mg/L	-	2,43
15.	Niken (Ni)	mg/L	-	0,162
16.	Mangan (Mn)	mg/L	-	0,405
17.	Sắt (Fe)	mg/L	-	0,81
18.	Tổng Xianua	mg/L	-	0,0567
19.	Tổng Phenol	mg/L	-	0,081
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	-	4,05
21.	Sunfua	mg/L	0,162	0,162
22.	Florua (F ⁻)	mg/L	-	4,05
23.	Amoni	mg/L	15	15

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	
			Tiêu chuẩn đầu nối nước thải đầu vào của các doanh nghiệp chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt	Tiêu chuẩn đầu nối nước thải đầu vào đối với các doanh nghiệp còn lại
24.	Tổng nitơ	mg/L	60	60
25.	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	15	15
26.	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	-	405
27.	Clo dư	mg/L	-	0,81
28.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	-	0,0405
29.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/L	-	0,243
30.	Tổng PCBs	mg/L	-	0,00243
31.	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	<10 ⁶	<10 ⁶
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	-	0,1
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	-	1

2. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh:

Yêu cầu Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 298/GPMT-BTNMT ngày 21 tháng 8 năm 2023 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.